TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 376/2022/DS-ST
Ngày: 29/8/2022
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH – TP. HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nguyên
2. Ông Phạm Văn Tuyền

- Thư ký phiên toà: Ông Phạm Thanh Bình – Thư ký Toà án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** ông Đồng Văn Nam – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 52/2022/TLST-DS ngày 25 tháng 02 năm 2022 về: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 308/2022/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 254/2022/QĐST-DS ngày 09 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng V; Trụ sở: Tầng 1 (tầng trệt) và Tầng 2, Tòa nhà S – 111A đường P, phường B, Quận M, TP. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Thu H, địa chỉ: Tầng 1 (tầng trệt) và Tầng 2, Tòa nhà S – 111A đường P, phường B, Quận M, TP. Hồ Chí Minh (Văn bản ủy ngày 04/01/2021)

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Diệp Hoàng A, ông Trịnh Đình H, ông Nguyễn Trần Hồng P, địa chỉ liên hệ: Tầng 6, Tòa nhà P, số 26 đường U, Phường H, quận T, TP. Hồ Chí Minh. (Văn bản ủy ngày 01/6/2022). (Ông Trịnh Đình H có mặt).

Bị đơn:

- Ông Phạm Văn M, sinh năm 1972;
- Bà Phạm Ngọc Tuyết N, sinh năm 1977;

Cùng địa chỉ: ấp B, xã L, huyện B, TP. Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng V ngày 27/9/2021, các tài liệu đã được thu thập trong quá trình giải quyết vụ án, nội dung vụ án như sau:

Ngân hàng V có giao kết với ông Phạm Văn M, bà Phạm Ngọc Tuyết N Hợp đồng tín dụng số 0352.HDTD.VIB827.18 ngày 04/4/2018 và giải ngân số tiền 480.000.000 (bốn trăm tám mươi triệu) đồng cho ông Phạm Văn M và bà Phạm Ngọc Tuyết N, để thanh toán mua 01 xe ô tô. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Phạm Văn M và bà Phạm Ngọc Tuyết N đã thanh toán 153.635.925 đồng (một trăm năm mươi ba triệu sáu trăm ba mươi lăm nghìn chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng), bao gồm 90.100.000 đồng tiền gốc và 63.535.925 tiền lãi trong hạn. Đến kỳ thanh toán tháng 10/2019, ngày phải thanh toán là hết ngày 21/10/2019, ông Phạm Văn M và bà Phạm Ngọc Tuyết N vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và tiền lãi trong hạn. Cho đến nay, ông Phạm Văn M và bà Phạm Ngọc Tuyết N không thực hiện thanh toán bất kỳ khoản tiền nào cho Ngân hàng V. Do đó, Ngân hàng V khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng, yêu cầu buộc ông Phạm Văn M và bà Phạm Ngọc Tuyết N phải hoàn trả nợ gốc, tiền lãi trong hạn chưa thanh toán, nợ lãi quá hạn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt, thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng thông báo thụ lý và triệu tập hợp lệ bị đơn là ông Phạm Văn M và bà Phạm Ngọc Tuyết N đến Tòa án để ghi nhận lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, để tham gia phiên tòa nhưng bị đơn không có mặt.

Tại phiên tòa:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trịnh Đình H trình bày: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông Phạm Văn M và bà Phạm Ngọc Tuyết N phải thanh toán cho nguyên đơn ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật số tiền tổng cộng là 608.035.215 đồng (sáu trăm lẻ tám triệu không trăm ba mươi lăm nghìn hai trăm mười lăm đồng). Trong đó, tiền nợ gốc là 389.900.000 đồng (ba trăm tám mươi chín triệu chín trăm nghìn đồng), tiền lãi trong hạn là 2.713.810 đồng (hai triệu bảy trăm mười ba nghìn tám trăm mười đồng) và tiền lãi quá hạn là 215.421.405 đồng (hai trăm mười lăm triệu bốn trăm hai mươi mốt nghìn bốn trăm lẻ năm đồng). Ngoài ra, ông Phạm Văn M và bà Phạm Ngọc Tuyết N còn phải chịu tiền lãi phát sinh từ ngày 30/8/2022 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy trình tố tụng giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh nhận thấy có cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là Ngân hàng V. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm tính trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn. Trả lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Ngân hàng V khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn là ông Phạm Văn M và bà Phạm Ngọc Tuyết N trả tiền nợ vay phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số 0352.HDTD.VIB827.18 ngày 04/4/2018. Tại Hợp đồng tín dụng số 0352.HDTD.VIB827.18 ngày 04/4/2018 và Xác minh ngày 19/5/2022 của Công an xã Bình Lợi, huyện Bình Chánh, TP.Hồ Chí Minh thì ông Phạm Văn M và bà Phạm Ngọc Tuyết N có nơi cư trú tại huyện Bình Chánh, TP.Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là là tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

[2] Xác minh ngày 19/5/2022 của Công an xã Bình Lợi, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh thể hiện ông Phạm Văn M và bà Phạm Ngọc Tuyết N có đăng ký thường trú tại D4/577/1 ấp 4, xã Bình Lợi, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh, nhưng không còn cư trú tại địa phương, không rõ địa chỉ nơi đến. Do vậy địa chỉ số D4/577/1 ấp 4, xã Bình Lợi, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh được xem là nơi cư trú cuối cùng của ông Phạm Văn M và bà Phạm Ngọc Tuyết N. Ông Phạm Văn M và bà Phạm Ngọc Tuyết N là người đang phải thực hiện quyền và nghĩa vụ trong hợp đồng tín dụng với Ngân hàng nhưng chuyển nơi cư trú mà không thông báo cho Ngân hàng nên thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/7/2017 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân Tối cao. Tòa án tiến hành thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng tại địa chỉ số D4/577/1 ấp 4, xã Bình Lợi, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh và Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định tại Điều 179, 180 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về sự vắng mặt của bị đơn: Bị đơn là ông Phạm Văn M và bà Phạm Ngọc Tuyết N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 (hai) lần tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt, không rõ lý do. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Phạm Văn M và bà Phạm Ngọc Tuyết N.

[4] Về yêu cầu của đương sự: Qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và lời trình bày của đại diện nguyên đơn có cơ sở để xác định:

[5] Về số tiền nợ gốc và tiền lãi trong hạn chưa thanh toán: Ngày 06/4/2018, Ngân hàng V đã tiến hành giải ngân số tiền 480.000.000 (bốn trăm tám mươi triệu) đồng cho ông Phạm Văn M và bà Phạm Ngọc Tuyết N, để thanh toán mua 01 xe ô tô, theo Hợp đồng tín dụng số 0352.HDTD.VIB827.18 ngày 04/4/2018 và Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 0352.KUNN.VIB827.18 ngày 06/4/2018. Các bên thỏa thuận kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 20/5/2018; ngày trả lãi hàng tháng vào ngày 20. Tuy nhiên, theo Bảng tính lãi do Ngân hàng xuất trình thì ông Phạm Văn M, bà Phạm Ngọc Tuyết N đã bắt đầu thanh toán nợ gốc từ ngày 20/4/2018 và việc tính lãi từ ngày 06/4/2018 đến ngày 21/10/2019 phía Ngân hàng và ông Phạm Văn M, bà Phạm Ngọc Tuyết N đều thực hiện trên dư nợ gốc giảm dần theo tiến độ thanh toán tiền gốc mà ông Phạm Văn M, bà Phạm Ngọc Tuyết N thực hiện từ ngày 20/4/2018. Nên có cơ sở xác định quá trình thực hiện hợp đồng, các bên đã tự nguyện thay đổi thời điểm bắt đầu thanh toán nợ gốc vào ngày 20/4/2018. Theo Bảng tính lãi do Ngân hàng xuất trình tính đến ngày 29/8/2022 cho thấy ông Phạm Văn M và bà Phạm Ngọc Tuyết N bắt đầu vi phạm nghĩa vụ trả gốc và lãi từ kỳ thanh toán tháng 10/2019 (hạn thanh toán là ngày 21/10/2019), nợ gốc phải thanh toán là 5.000.000 đồng, tiền lãi phải thanh toán là 4.067.753 đồng nhưng ông Phạm Văn M, bà Phạm Ngọc Tuyết N chỉ thanh toán 100.000 đồng tiền nợ gốc và 1.353.943 tiền lãi. Tổng số ông Phạm Văn M và bà Phạm Ngọc Tuyết N đã thanh toán là 153.635.925 đồng (một trăm năm mươi ba triệu sáu trăm ba mươi lăm nghìn chín trăm hai mươi lăm đồng), bao gồm 90.100.000 đồng tiền gốc, 63.535.925 tiền lãi. Số tiền nợ gốc ông Phạm Văn M và bà Phạm Ngọc Tuyết N chưa thanh toán cho Ngân hàng là 389.900.000 đồng (ba trăm tám mươi chín triệu chín trăm nghìn đồng); lãi trong hạn chưa thanh toán là 2.713.810 đồng.

[6] Về tiền lãi trên nợ gốc quá hạn: Theo thỏa thuận của các bên tại điểm g khoản 1.4 Điều 1, điểm a khoản 4.3 điều 4 của Điều khoản và điều kiện cấp tín dụng (đính kèm hợp đồng tín dụng); Điều 6, Điều 7 Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 0352.KUNN.VIB827.18 ngày 06/4/2018, có cơ sở xác định thời điểm bắt đầu tính lãi quá hạn là từ ngày 22/10/2019; với lãi suất quá hạn bằng 150% của lãi suất đang áp dụng (12.89%) là 19.335%. Cụ thể tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm, tiền lãi trên nợ gốc quá hạn là : 1043 ngày x (19,335%/365 ngày) x 389.900.000 đồng = 215.421.405 đồng.

[7] Về tiền lãi trên nợ lãi quá hạn hay các khoản tiền phạt khác: Phía nguyên đơn không yêu cầu do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Ông Phạm Văn M, bà Phạm Ngọc Tuyết N không có mặt tại Tòa án để cho lời khai hoặc nêu ý kiến về các khoản tiền gốc, tiền lãi đã thanh toán được xem là ông Phạm Văn M, bà Phạm Ngọc Tuyết N đã từ bỏ quyền trình bày, đưa ra chứng cứ chứng minh cho mình. Do vậy, Tòa án xem xét các tài liệu, chứng cứ mà Ngân hàng xuất trình, chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng với số nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn mà Ngân hàng yêu cầu ông Phạm Văn M, bà Phạm Ngọc Tuyết N phải trả. Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi (tiền lãi trong hạn và tiền lãi quá hạn) tính đến ngày 29/8/2022 mà ông Phạm Văn M, bà Phạm Ngọc Tuyết N có trách nhiệm trả cho Ngân hàng là 608.035.215 đồng (sáu trăm lẻ tám triệu

không trăm ba mươi lăm nghìn hai trăm mười lăm đồng). Trong đó, tiền nợ gốc là 389.900.000 đồng (ba trăm tám mươi chín triệu chín trăm nghìn đồng), tiền lãi trong hạn là 2.713.810 đồng (hai triệu bảy trăm mười ba nghìn tám trăm mười đồng) và tiền lãi quá hạn là 215.421.405 đồng (hai trăm mười lăm triệu bốn trăm hai mươi mốt nghìn bốn trăm lẻ năm đồng).

[9] Về thời hạn thanh toán: Ông Phạm Văn M, bà Phạm Ngọc Tuyết N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ ngày 22/10/2019 đến nay, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng. Do vậy, cần buộc ông Phạm Văn M, bà Phạm Ngọc Tuyết N thanh toán cho Ngân hàng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[10] Về chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Ngân hàng V chịu chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng số tiền là 2.063.237 đồng. Nhưng được cấn trừ số tiền Ngân hàng V đã tạm ứng 2.063.237 đồng. Ngân hàng V đã nộp đủ.

[11] Về án phí: Ông Phạm Văn M, bà Phạm Ngọc Tuyết N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm aKhoản 1 Điều 39 ; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 271 và khoản 1 Điều 273, của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91 và Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

- Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng V.

Buộc ông Phạm Văn M và bà Phạm Ngọc Tuyết N phải thanh toán cho Ngân hàng V số tiền 608.035.215 đồng (sáu trăm lẻ tám triệu không trăm ba mươi lăm nghìn hai trăm mười lăm đồng) ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Trong đó, tiền nợ gốc là 389.900.000 đồng (ba trăm tám mươi chín triệu chín trăm nghìn đồng), tiền lãi trong hạn là 2.713.810 đồng (hai triệu bảy trăm mười ba nghìn tám trăm mười đồng) và tiền lãi quá hạn là 215.421.405 đồng (hai trăm mười lăm triệu bốn trăm hai mươi mốt nghìn bốn trăm lẻ năm đồng) theo Hợp đồng tín dụng số 0352.HDTD.VIB827.18 ngày 04/4/2018 và Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 0352.KUNN.VIB827.18 ngày 06/4/2018.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp

luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí và xử lý tiền tạm ứng án phí: Ông Phạm Văn M và bà Phạm Ngọc Tuyết N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 28.321.409 (hai mươi tám triệu ba trăm hai mươi mốt nghìn bốn trăm lẻ chín) đồng.

Hoàn lại cho Ngân hàng V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.987.046 đồng (mười một triệu chín trăm bảy mươi tám nghìn không trăm bốn mươi sáu đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2021/0040538 ngày 24/01/2022 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về chi phí tố tụng thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Ngân hàng V chịu chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng số tiền là 2.063.237 đồng. Nhưng được cấn trừ số tiền Ngân hàng V đã tạm ứng 2.063.237 đồng. Ngân hàng V đã nộp đủ.

4. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng V có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Phạm Văn M và bà Phạm Ngọc Tuyết N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014)./.

Nơi nhận:
- VKSND TP.HCM;
- VKSND huyện Bình Chánh, TP.HCM;
- Chi Cục THADS huyện Bình Chánh, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Dũng